

Số: 000043 /PCF

TP Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2024

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PETEC

Mã chứng khoán: PCF

Trụ sở chính: 194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: 028-35173215 Fax: 028-35178571

Người thực hiện công bố thông tin: **Nguyễn Hồng Lợi**

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Công bố thông tin bổ sung tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Cà phê PETEC.

Thông tin này đã được công bố trên Website: www.petecof.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người thực hiện công bố thông tin



Nguyễn Hồng Lợi

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DỰ THẢO

HỢP ĐỒNG NHƯỢNG QUYỀN BÁN LẺ XĂNG DẦU

Số:

Giữa

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ – CTCP

Và

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PETEC

Ngày ký: / /20...

Hiệu lực hợp đồng từ ngày / /20... đến ngày / /20...

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

HỢP ĐỒNG NHƯỢNG QUYỀN BÁN LẺ XĂNG DẦU

Số:

- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005-QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005;
- Căn cứ Nghị định số 35/2006/NĐ-CP ngày 31 tháng 03 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động nhượng quyền thương mại;
- Căn cứ Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/09/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;
- Căn cứ Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ Công thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP;
- Căn cứ Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/09/2014;
- Căn cứ Nghị định 80/2023/NĐ-CP ngày 17/11/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 và Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 về kinh doanh xăng dầu;
- Căn cứ Giấy chứng nhận của hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu số ... /GCNĐĐK-SCT ngày... tháng... năm...

Hôm nay, ngày...tháng...năm...tại Thành phố Hồ Chí Minh, chúng tôi gồm:

BÊN NHƯỢNG QUYỀN: TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

- Địa chỉ : 194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : 028.39305299 Fax: 028.39305991
- Tài khoản : 0071000012236 - Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - CN Thành phố Hồ Chí Minh
- Mã số thuế : 0 3 0 0 6 4 9 4 7 6
- Email : tcktpetec@petec.pvoil.vn
- Đại diện : **Ông TRẦN VĂN DƯỠNG** Chức vụ: Tổng Giám đốc
Sau đây gọi tắt là Bên A

BÊN NHẬN QUYỀN: CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PETEC

- Địa chỉ : 194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : 028 35173215 Fax: 028 3.517.8571
- Tài khoản : 169 100 000 59816 BIDV – CN Bà Chiểu - TPHCM
- Mã số thuế : 0304263392
- Email : ketoan@petecof.vn
- Đại diện : **Ông NGUYỄN QUỐC VIỆT** Chức vụ : Giám Đốc
Sau đây gọi tắt là Bên B

Sau khi thoả thuận, hai bên cùng thống nhất ký Hợp đồng nhượng quyền bán lẻ xăng dầu với các điều khoản sau đây :

ĐIỀU 1 ĐỐI TƯỢNG HỢP ĐỒNG

Bên A đồng ý nhượng quyền bán lẻ xăng dầu và Bên B đồng ý nhận quyền bán lẻ xăng dầu từ Bên A, gồm:

- 1.1 Quyền bán lẻ xăng dầu: Bên A đồng ý để Bên B tiến hành công việc kinh doanh bán lẻ xăng dầu từ nguồn do Bên A cung cấp và được gắn với quyền sử dụng nhãn hiệu **PVOIL** theo quy định tại Điểm b dưới đây.
- 1.2 Quyền sử dụng nhãn hiệu **PVOIL**: Bên A chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu không độc quyền, thứ cấp để Bên B sử dụng tại hệ thống cửa hàng bán lẻ xăng dầu của mình.
 - Nhãn hiệu **PVOIL** chuyển quyền sử dụng theo Hợp đồng này là loại có đầy đủ các dấu hiệu nhận diện thương hiệu sau:



- Bên B sử dụng nhãn hiệu **PVOIL** tại các cửa hàng xăng dầu thuộc hệ thống phân phối của Bên B, đúng quy chuẩn, đúng vị trí quy định và không được chuyển quyền sử dụng cho bất kỳ bên thứ ba nào khác, không được ứng dụng sai quy chuẩn, vượt quá mức độ và phạm vi áp dụng.
 - Khi có sự thay đổi về nhận diện thương hiệu của Bên A, hai Bên sẽ điều chỉnh bằng phụ lục Hợp đồng.
- 1.3 Danh sách các cửa hàng xăng dầu thuộc hệ thống phân phối của Bên B được nhận quyền bán lẻ xăng dầu (được đính kèm Hợp đồng này).

ĐIỀU 2: CHỨNG LOẠI – SỐ LƯỢNG – CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA

- 2.1 Bên A đồng ý bán và Bên B đồng ý mua các mặt hàng xăng, dầu, bao gồm: Xăng (bao gồm cả xăng sinh học), dầu diesel (DO) (sau đây gọi là hàng hóa)
- 2.2 **Số lượng hàng hóa:** theo từng đơn đặt hàng cụ thể của bên B và được Bên A xác nhận hoặc theo sản lượng tiêu thụ đã đăng ký với Bên A.
- 2.3 **Chất lượng hàng hóa:**
 - Chất lượng hàng hóa Bên A giao cho Bên B đáp ứng tiêu chuẩn cơ sở do Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP công bố, áp dụng và phù hợp với quy chuẩn Việt Nam hiện hành.
 - Trường hợp nếu có tranh chấp về chất lượng thì hai bên sẽ phối hợp để giải quyết theo Điều 4.5 của Hợp đồng này.
- 2.4 **Đơn đặt hàng:** Đơn đặt hàng thể hiện nhu cầu mua hàng, hình thức mua hàng và nhận hàng tại từng thời điểm của Bên B gửi cho Bên A (bằng bản fax từ số máy đã được đăng ký hoặc bằng email từ email đã đăng ký hoặc trực tiếp), phải theo mẫu

quy định của Bên A là bộ phận không tách rời của hợp đồng này. Đơn đặt hàng phải được ký, đóng dấu xác nhận của người đại diện pháp luật hoặc người được ủy quyền.

ĐIỀU 3: GIÁ CẢ - PHÍ NHƯỢNG QUYỀN – PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

3.1 Giá bán: Giá Bên A bán cho bên B (giá thanh toán) do Bên A và Bên B thỏa thuận tại từng thời điểm, đồng thời đảm bảo tuân thủ theo quy định của Nhà nước về quản lý giá xăng dầu. Bên B được hưởng toàn bộ phần chênh lệch giữa giá Bên A bán cho Bên B và giá Bên B bán lại cho khách hàng của mình. Giá Bên A bán cho Bên B bao gồm các thành phần sau:

- Giá hàng hóa chưa thuế.
- Thuế môi trường: Theo quy định hiện hành của Nhà nước.
- Thuế GTGT: Theo quy định hiện hành của Nhà nước.

3.2 Phí nhượng quyền: Bên A áp dụng phí nhượng quyền từ/...../20.... đến/...../20.....: 0 đồng.

3.3 Hình thức thanh toán: Bên B thanh toán cho Bên A bằng hình thức chuyển khoản. Bên B chuyển khoản vào một trong các tài khoản do Bên A chỉ định.

3.4 Thời điểm xác nhận giá bán và thời điểm xác nhận thanh toán:

3.4.1 Thời điểm xác nhận giá bán:

- Đối với trường hợp Bên B mua hàng thanh toán trả ngay: là thời điểm (ngày/giờ/phút) Bên A nhận được báo có của ngân hàng.
- Đối với trường hợp Bên B mua hàng trả trước: là thời điểm Bên A ký xác nhận đơn đặt hàng của Bên B.

3.4.2 Thời điểm xác nhận thanh toán: là thời điểm (ngày/giờ/phút) Bên A nhận được báo có của ngân hàng.

3.5 Phương thức thanh toán: Bên B thanh toán tiền mua hàng cho Bên A theo một trong những hình thức sau: thanh toán trả trước/trả ngay hoặc thanh toán trả chậm.

3.5.1 Thanh toán trả ngay: Bên B phải thanh toán tiền mua hàng cho Bên A ngay sau khi bên A xác nhận Đơn đặt hàng và trước khi Bên A xuất hóa đơn GTGT.

3.5.2 Thanh toán trả trước: Bên B phải thanh toán tiền mua hàng cho Bên A trước khi bên A xác nhận Đơn đặt hàng và trước khi Bên A xuất hóa đơn GTGT.

3.5.3 Thanh toán trả chậm: Bên A đồng ý cho Bên B thanh toán trả chậm theo các điều kiện sau:

- Thời hạn trả chậm: tối đa ngày lịch kể từ thời điểm hàng hóa chuyển quyền sở hữu từ Bên A sang cho Bên B.
- Nếu quá hạn so với thời hạn này từ 1 đến 5 ngày mà Bên B thanh toán cho Bên A, Bên A sẽ không tính lãi suất cho tiền hàng chậm thanh toán. Nếu quá hạn so với thời hạn đến hạn thanh toán kể từ ngày thứ 6 trở lên mà Bên B không thanh toán hoặc không thanh toán hết tiền lô hàng, thì căn cứ vào điều kiện cụ thể thực tế, Bên A có quyền tính tiền lãi do thanh toán chậm đối với số tiền quá hạn theo mức lãi suất cho vay ngắn hạn của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh tại thời điểm đến hạn thanh toán. Tuy nhiên, thời hạn quá hạn thanh toán không vượt quá 30 ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán, quá thời hạn này mà

Bên B vẫn không thanh toán hoặc không thanh toán hết tiền hàng thì Bên A có quyền đưa ra xử lý theo luật định và tính lãi suất đối với khoản nợ bằng 150% lãi suất cho vay nói trên.

- Dự nợ tối đa của Bên B tại mọi thời điểm bao gồm cả lãi trả chậm (nếu có): VNĐ (Bằng chữ: đồng). Trong đó:
- + Tín chấp: VNĐ (Bằng chữ: đồng).
- Hàng tháng, từ ngày 05 đến ngày 15, hai Bên tiến hành đối chiếu công nợ của tháng trước. Biên bản đối chiếu công nợ do Bên A lập và được người có thẩm quyền của hai Bên ký, đóng dấu xác nhận và gửi về cho Bên A trước ngày 20 của tháng đó. Nếu quá thời hạn trên mà Bên A không nhận được biên bản đối chiếu công nợ thì số liệu trên biên bản công nợ do Bên A làm mặc nhiên được xem là Bên B chấp nhận.

3.6 Hóa đơn chứng từ:

- 3.6.1** Hóa đơn bán hàng của Bên A là hóa đơn trị giá gia tăng điện tử theo mẫu đặc thù đã đăng ký và được cơ quan thuế chấp nhận. Hóa đơn điện tử sẽ được Bên A gửi cho Bên B thông qua email khách hàng đã đăng ký.
- 3.6.2** Trong mọi trường hợp “Hóa đơn GTGT” đã lập đều không được hủy, ngoại trừ những trường hợp được quy định tại Luật thuế GTGT và các văn bản hướng dẫn hiện hành.
- 3.6.3** Các trường hợp phát sinh liên quan đến số lượng và giá trị hàng hóa, hai Bên có trách nhiệm thực hiện đầy đủ thủ tục điều chỉnh hóa đơn theo quy định hiện hành của Nhà nước.

ĐIỀU 4: PHƯƠNG THỨC GIAO NHẬN

- 4.1 Địa điểm giao nhận:** Hàng hoá được giao tại kho xuất hàng của Bên A/kho Bên B chỉ định hoặc giao tại địa điểm do 2 bên thỏa thuận.
- 4.2 Phương tiện giao nhận:** xe bồn, tàu dầu và xà lan. Trong trường hợp không sử dụng các phương tiện này, hai Bên sẽ thỏa thuận và điều chỉnh bằng Phụ lục hợp đồng.
- 4.3 Đơn vị tính:** tính bằng lít ở nhiệt độ thực tế đối với Xăng, dầu DO.
- 4.4 Số lượng hàng giao nhận:** là số lượng thực xuất ghi trên chứng từ nhận hàng (phiếu xuất kho) tại kho xuất hàng và/hoặc Biên bản giao nhận hàng hóa và là cơ sở thanh toán giữa hai Bên.
Phương tiện đo lường sử dụng để xác định số lượng xăng dầu trong giao nhận thực tế là lưu lượng kế của kho xuất hàng đã được kiểm định và còn hiệu lực của Bên A. Trường hợp giao hàng tại kho Bên B thì được xác định bằng barem phương tiện giao hàng giao hàng hoặc barem bồn của Bên B đã được kiểm định còn hiệu lực.
- 4.5 Chất lượng hàng hóa giao nhận:**
 - 4.5.1** Chất lượng hàng hóa giao nhận là chất lượng được ghi trong chứng chỉ chất lượng do kho xuất hàng cung cấp cho từng lần xuất hàng.
 - 4.5.2** Trong quá trình giao nhận hàng tại kho xuất hàng, đại diện Bên A/đại diện kho Bên A cùng với Đại diện Bên B/đại diện phương tiện Bên B tiến hành lấy 02 mẫu (tối thiểu 02 lít/mẫu) tại phương tiện vận chuyển sau khi bơm hàng. Trong đó, đại diện Bên B/đại diện phương tiện Bên B lưu 01 mẫu, đại diện Bên A/đại diện kho Bên A lưu 01 mẫu.
 - 4.5.3 Lấy mẫu:**

- Việc lấy mẫu thực hiện theo Quyết định số 457/QĐ-TĐC ngày 06/04/2016 của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng về việc Hướng dẫn phương pháp lấy mẫu xăng dầu và các Quyết định sửa đổi/bổ sung (nếu có).
- Đại diện có thẩm quyền của hai Bên ký nhận vào biên bản lấy mẫu và cùng thực hiện niêm phong. Mẫu lưu còn niêm phong sẽ là mẫu để kiểm tra đối chứng khi có tranh chấp về chất lượng.
- Bình chứa mẫu phải làm bằng vật liệu không ảnh hưởng đến chất lượng xăng dầu, không rò rỉ, không có chất làm ảnh hưởng đến chất lượng xăng dầu và có nắp kín. Bình chứa mẫu phải được làm sạch, khô và cần tráng kỹ bằng xăng dầu sẽ chứa trước khi lấy mẫu.
- Thời gian lưu mẫu: Mẫu lưu đã tiếp nhận của bên giao và mẫu đã lấy khi nhập hàng xăng dầu cho đến khi nhập xăng dầu cùng loại 03 lần kế tiếp, nhưng thời gian không quá 30 ngày.
- Hai Bên thống nhất mọi khiếu nại về chất lượng lô hàng chỉ được chấp thuận giải quyết nếu khiếu nại này được nêu trong thời gian mẫu lưu còn hiệu lực (thời gian lưu mẫu). Trong trường hợp này hai Bên thống nhất gửi 01 mẫu trọng tải (mẫu phải còn đầy đủ niêm phong, kẹp chì) cho cơ quan giám định độc lập Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng. Kết quả giám định của cơ quan này là cuối cùng và là cơ sở để giải quyết tranh chấp giữa hai bên. Chi phí giám định và các tổn thất có liên quan do Bên có lỗi chịu.

4.6 Thủ tục giao nhận hàng hóa:

- 4.6.1** Trước khi nhận hàng, Bên B gửi cho Bên A đơn đặt hàng trong đó bao gồm đầy đủ các thông tin theo mẫu quy định của Bên A.
- 4.6.2** Đại diện Bên B đến nhận chứng từ nhận hàng phải mang theo giấy giới thiệu/Giấy ủy quyền nhận hàng của Bên B, xuất trình Căn cước công dân (bản gốc) và ký nhận vào biên bản giao nhận/ chứng từ nhận hàng của Bên A.
- 4.6.3** Khi giao nhận hàng hóa tại kho xuất hàng: Bên B phải chấp hành nghiêm chỉnh các nội quy quy định của kho xuất hàng, điều kiện an toàn môi trường, PCCC, kiểm định, đo lường, giao nhận của các Cơ quan có thẩm quyền. Trường hợp vi phạm Bên A có quyền từ chối giao hàng và Bên B phải bồi thường những thiệt hại mà Bên B đã gây ra cho Bên A.
- 4.6.4** Phương tiện vận chuyển của Bên B đến nhận hàng tại kho xuất hàng phải là phương tiện chuyên dùng vận chuyển xăng dầu có đầy đủ các trang thiết bị và Hồ sơ giấy tờ theo quy định hiện hành của Nhà nước và kho xuất hàng của Bên A.

4.7 Thời gian hiệu lực nhận hàng:

- Trong vòng 10 ngày kể từ ngày Bên A lập hóa đơn bán hàng cho Bên B, bên A sẽ tính phí gửi kho là: 0 đồng. Sau thời gian trên, số lượng hàng bên B chưa nhận ra khỏi kho sẽ được tính phí gửi kho (Theo quy định cụ thể tại Điều 5 của Hợp đồng này.)

ĐIỀU 5: HÀNG GỬI KHO

5.1 Quy định hàng gửi kho:

- Bên A đồng ý cho gửi hàng, Bên B đồng ý gửi lượng hàng đã mua của bên A nhưng chưa nhận hàng ra khỏi kho tại kho Bên A hoặc kho do Bên A chỉ định.
- Hóa đơn phát hành cho toàn bộ lượng hàng Bên A bán cho Bên B và Bên B đồng ý gửi hàng tại kho Bên A sẽ không được hủy (ngoại trừ hủy theo quy định của Pháp luật) và bên B có trách nhiệm nhận toàn bộ lượng hàng này.
- Bên B nắm quyền sở hữu, toàn quyền và chủ động làm việc với Đơn vị quản lý kho để xác định thời điểm nhận hàng hóa.

5.2 *Phí gửi kho:*

- Bên A có quyền tính phí gửi kho là 2 đồng/lít TT/ngày đối với lượng hàng gửi từ ngày thứ 11 đến hết ngày thứ 25 (kể từ ngày lập Hoá đơn). Sau ngày thứ 25 nếu Bên B vẫn chưa nhận hết hàng ra khỏi kho Bên A thì phí gửi kho là 5 đồng/lít TT/ngày tiếp theo. (Phí gửi kho đã bao gồm thuế GTGT, tất cả các chi phí và các loại hao hụt). Khi Bên A thay đổi phí gửi kho, Bên A sẽ thông báo cho Bên B bằng văn bản.
- Hàng tháng/quý Bên A sẽ tiến hành lập biên bản và đối chiếu lượng hàng gửi kho để làm cơ sở tính phí gửi kho. Phí gửi kho được Bên B thanh toán ngay cho Bên A bằng chuyển khoản hoặc sẽ được Bên A trừ vào tiền mua hàng của Bên B.
- Trường hợp Bên B không nhận được hàng trong thời gian hiệu lực nhận hàng do lỗi của Bên A thì Bên B được gia hạn thời hạn hiệu lực nhận hàng và không phải chịu phí lưu kho.
- Trong trường hợp có thay đổi về chính sách Nhà nước, các bên sẽ tiến hành lập biên bản đối chiếu hàng gửi kho tại thời điểm thay đổi chính sách.

5.3 *Thủ tục nhận hàng gửi kho:* Sau khi Bên A lập hóa đơn GTGT:

- Trường hợp bên B có nhu cầu lấy hàng ngay: Bên A sẽ lập phiếu xuất kho hoặc công văn nhận hàng gửi kho xuất hàng. Nếu quá thời hạn nhận hàng trên phiếu xuất kho hoặc công văn nhận hàng mà Bên B vẫn chưa nhận hàng ra khỏi kho, Bên B gửi công văn đề nghị Bên A gia hạn phiếu xuất kho hoặc công văn nhận hàng.
- Trường hợp Bên B chưa có nhu cầu nhận hàng: khi có nhu cầu nhận hàng, Bên B gửi công văn đề nghị bên A cấp hàng.

ĐIỀU 6: QUYỀN SỞ HỮU VÀ BẢO HIỂM HÀNG HÓA

- 6.1 *Quyền sở hữu hàng hóa:* Quyền sở hữu hàng hóa sẽ được chuyển từ Bên A sang Bên B ngay sau khi Bên A xuất hóa đơn bán hàng cho Bên B. Trường hợp Bên B chưa nhận hàng ngay sau khi Bên A xuất hóa đơn bán hàng thì Bên B đồng ý chuyển lượng hàng đã mua, thuộc sở hữu của bên B sang hàng gửi tại kho Bên A/kho Bên A chỉ định.
- 6.2 *Trách nhiệm về rủi ro, tổn thất về hàng hóa:* Mọi rủi ro hàng hóa sẽ được chuyển từ Bên A sang Bên B kể từ khi hàng đi qua khớp nối của hai mặt bích nối giữa ống xuất hàng của kho xuất hàng của Bên A và ống nhận hàng của phương tiện nhận hàng của Bên B hoặc khi hàng đi qua họng xả của phương tiện vận chuyển Bên A (đối với trường hợp Bên A vận chuyển) và ống tiếp nhận phương tiện hoặc bồn của Bên B.
- 6.3 *Bảo hiểm hàng hóa:* Mỗi Bên tự chịu trách nhiệm về bảo hiểm hàng hóa và tài sản của mình kể từ thời điểm chuyển giao rủi ro tại Điều 6.2.

ĐIỀU 7: QUYỀN LỢI VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN

7.1 *Quyền lợi và nghĩa vụ của Bên A:*

7.1.1 *Bên A có quyền:*

- Được hưởng các quyền lợi hợp pháp từ việc nhượng quyền bán lẻ xăng dầu, chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu cho Bên B theo hợp đồng này.
- Được yêu cầu Bên B thực hiện đúng các quy định về nhãn hiệu, ứng dụng các dấu hiệu nhận diện khác (nếu có) của thương hiệu PVOIL để bảo đảm tính nhất thể hóa trong toàn hệ thống phân phối.
- Quy định giá bán lẻ xăng dầu phù hợp với thị trường tại từng thời điểm không trái với các quy định của Nhà nước.

- Kiểm tra, giám sát việc tổ chức kinh doanh của Bên B để đảm bảo Bên B tuân thủ đúng các quy định của Nhà nước về hoạt động kinh doanh xăng dầu và các Chính sách bán hàng của Bên A.

7.1.2 Bên A có nghĩa vụ:

- Bảo đảm hiệu lực quyền thương mại và quyền sở hữu đối với các nhãn hiệu chuyển quyền sử dụng cho Bên B ghi tại hợp đồng này.
- Cung cấp hàng hóa cho Bên B theo quy định tại Điều 1 của Hợp đồng này.
- Đảm bảo tính hợp pháp của hàng hóa cung cấp cho Bên B.
- Thực hiện các hình thức hỗ trợ như trang trí, đầu tư, trang bị các logo, biển hiệu, bảng hiệu, bảng giá theo chính sách bán hàng của Bên A.
- Cung cấp các thông tin, tài liệu và tạo điều kiện cho Bên B thực hiện các cam kết trong Hợp đồng.
- Cung cấp hóa đơn bán hàng, các chứng từ xuất hàng (nếu có) cho Bên B.
- Chịu sự kiểm tra, giám sát của các Cơ quan quản lý Nhà nước về việc bán hàng cho Bên B.
- Phối hợp với các Cơ quan chức năng của Nhà nước để định kỳ hoặc đột xuất tổ chức kiểm tra chất lượng xăng dầu, kiểm định các thiết bị, dụng cụ đo lường của các cửa hàng thuộc hệ thống phân phối Bên B đã đăng ký với Bên A.

7.2 Quyền lợi và nghĩa vụ của Bên B:

7.2.1 Bên B có quyền:

- Được hưởng các quyền lợi hợp pháp từ việc nhận quyền bán lẻ xăng dầu, nhận quyền sử dụng nhãn hiệu của Bên A theo hợp đồng này để tiến hành các hoạt động kinh doanh tại cơ sở kinh doanh (cửa hàng xăng dầu) của mình.
- Yêu cầu Bên A cung cấp các quy chuẩn kỹ thuật ứng dụng nhãn hiệu, các dấu hiệu nhận diện khác (nếu có) của thương hiệu PVOIL; tư vấn và chỉ dẫn ứng dụng tại cơ sở kinh doanh (cửa hàng xăng dầu) của Bên B để bảo đảm tính nhất thể hóa triệt để trong toàn hệ thống phân phối theo đúng chiến lược thương hiệu PVOIL.
- Được Bên A hỗ trợ cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan đến chính sách quản lý, điều hành kinh doanh xăng dầu của Nhà nước.
- Từ chối nhận hàng trong các trường hợp có cơ sở khẳng định hàng giao không đảm bảo chất lượng.

7.2.2 Bên B có nghĩa vụ:

- Chỉ sử dụng quyền bán lẻ xăng dầu, các nhãn hiệu theo quy chuẩn PVOIL, đúng phạm vi và mức độ ứng dụng tại cửa hàng xăng dầu của mình. Không tự ý chuyển quyền bán lẻ xăng dầu, quyền sử dụng nhãn hiệu PVOIL cho bất kỳ một bên thứ ba nào khác.
- Duy trì ổn định sản lượng tiêu thụ hàng tháng đã đăng ký tại Điều 2.2 của Hợp đồng này. Trường hợp sản lượng tiêu thụ thay đổi so với đăng ký, Bên B có trách nhiệm thông báo cho Bên A như quy định.
- Tổ chức kinh doanh và đảm bảo các điều kiện theo đúng quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; Nghị định

số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/09/2014; Nghị định 80/2023/NĐ-CP ngày 17/11/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021, Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 và các văn bản hướng dẫn liên quan hiện hành.

- Giữ bí mật và thực hiện việc bảo mật thông tin liên quan đến chế độ, chính sách, giá cả ... của Bên A.
- Thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Bên A đúng quy định tại Điều 3 của Hợp đồng này.
- Chỉ ký Hợp đồng nhượng quyền bán lẻ xăng dầu với Bên A và tiêu thụ hàng hóa do Bên A cung cấp theo đúng quy định tại Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu và Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/09/2014 và Nghị định 80/2023/NĐ-CP ngày 17/11/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 và Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014.
- Chỉ được bán lẻ xăng dầu của Bên A theo các quy định trong Hợp đồng này tại các cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc hệ thống đã đăng ký danh sách với Bên A.
- Phải thực hiện treo lô gô, biển hiệu do Bên A cung cấp tại cửa hàng xăng dầu thuộc sở hữu/đồng sở hữu thuộc hệ thống đã đăng ký với Bên A theo đúng quy định tại Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu, Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/09/2014, Nghị định 80/2023/NĐ-CP ngày 17/11/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 và các văn bản hướng dẫn hiện hành Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014.
- Phải niêm yết thời gian bán hàng và giá bán lẻ đối với từng chủng loại xăng dầu và bán đúng giá niêm yết. Việc niêm yết phải rõ ràng, không được gây nhầm lẫn cho khách hàng. Đơn vị tính đối với xăng động cơ, dầu hỏa, nhiên liệu Diesel: đồng/lít ở nhiệt độ thực tế.
- Chấp hành đầy đủ các quy định của Nhà nước về đo lường, chất lượng xăng dầu và chịu sự hướng dẫn, kiểm tra của Bên A. Chịu trách nhiệm trước Bên A và pháp luật về xăng dầu do Bên B bán ra đảm bảo số lượng, chất lượng và đúng đối tượng tiêu thụ.
- Phối hợp với Bên A trong công tác kiểm tra, giám sát số lượng, chất lượng xăng dầu bán ra tại các cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc hệ thống phân phối.
- Chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại và các chi phí phát sinh liên quan cho Bên A hoặc kho Bên A trường hợp do phương tiện nhận hàng của Bên B có hành vi gian lận số lượng trong quá trình giao nhận.
- Có trách nhiệm cung cấp đầy đủ nguồn hàng mua từ Bên A cho các cửa hàng bán lẻ xăng dầu trong hệ thống đã đăng ký với Bên A để cung ứng ra thị trường.

- Bảo quản hàng hoá, chịu trách nhiệm về số lượng và chất lượng hàng hoá kể từ thời điểm hàng nhận từ Bên A. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về toàn bộ hoạt động do mình tổ chức và quản lý.
- Bằng chi phí của mình Bên B chủ động tổ chức đột xuất hoặc định kỳ kiểm tra chất lượng, số lượng xăng dầu tại các cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc hệ thống Bên B.
- Cung cấp cho Bên A bản sao công chứng các giấy tờ sau: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (trong đó có đăng ký mặt hàng xăng dầu) của Bên B, giấy đăng ký mã số thuế, hồ sơ pháp lý phương tiện vận tải, giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn PCCC, danh sách cửa hàng của Bên B theo biểu mẫu quy định, giấy chứng cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu của các cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc hệ thống phân phối của Bên B và các văn bản, giấy tờ khác theo quy định của pháp luật và Bên A.
- Cung cấp báo cáo tài chính, báo cáo thuế giá trị gia tăng, báo cáo khác theo yêu cầu của Bên A (Đối với bán hàng tín chấp).
- Trường hợp Bên B có thay đổi danh sách cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc hệ thống, Bên B phải thông báo bằng văn bản cho Bên A và cung cấp bản sao công chứng giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu và giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn PCCC của CHXD đó.
- Bên B có trách nhiệm đảm bảo các giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu và các giấy phép liên quan khác của CHXD đã đăng ký có hiệu lực trong suốt thời hạn của hợp đồng này. Trong trường hợp giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu đã đăng ký hết hiệu lực, Bên B không cung cấp giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu mới hoặc đăng ký mới hệ thống theo đúng quy định, Bên A sẽ ngừng bán hàng cho Bên B và tiến hành các thủ tục thanh lý hợp đồng.
- Cùng Bên A thực hiện đối chiếu công nợ, lãi suất phạt quá hạn thanh toán (nếu có)... hàng tháng hoặc hàng quý hoặc theo yêu cầu của Bên A. Trong thời hạn tối đa 10 ngày làm việc kể từ ngày Bên A gửi biên bản đối chiếu, Bên B phải có trách nhiệm kiểm tra và ký xác nhận với Bên A. Sau thời hạn trên nếu Bên A vẫn chưa nhận được biên bản xác nhận công nợ, lãi suất phạt do quá hạn thanh toán (nếu có)... thì coi như Bên B đã chấp nhận số liệu trên biên bản đối chiếu.
- Thực hiện chế độ báo cáo thống kê cho Bên A theo đúng quy định của pháp luật.
- Khi Bên A có yêu cầu Bên B có trách nhiệm cung cấp các thông tin liên quan về số lượng theo từng mặt hàng bán tại các CHXD thuộc hệ thống, thông tin về kết quả các đợt kiểm tra tại CHXD của cơ quan quản lý Nhà nước.

ĐIỀU 8: CHÍNH SÁCH THƯƠNG HIỆU

- 8.1** Bên B được sử dụng nhãn hiệu **PVOIL**, được hỗ trợ toàn phần hoặc từng phần biển hiệu, bảng giá, hộp đèn tại các Cửa hàng xăng dầu thuộc hệ thống của Bên B theo các quy định của Bên A.
- 8.2** Trường hợp Bên B thanh lý Hợp đồng trước thời hạn hoặc chuyển các cửa hàng xăng dầu thuộc hệ thống sang ký Hợp đồng với Đầu mối khác, Bên A có quyền yêu cầu Bên B bồi hoàn toàn bộ hoặc một phần chi phí đầu tư trang bị biển hiệu, bảng

giá, hộp đèn mà Bên A đã trang bị cho Bên B và Bên B có trách nhiệm thanh toán đầy đủ các chi phí này.

- 8.3 Bên B không được phép sử dụng thương hiệu của Bên A vào mục đích khác mà không có sự đồng ý bằng văn bản của Bên A. Nếu Bên B vi phạm phải bồi thường thiệt hại cho Bên A.

ĐIỀU 9: TRƯỜNG HỢP BẤT KHẢ KHÁNG

- Những vi phạm hợp đồng (loại trừ việc không thanh toán) của bất kỳ bên nào do: (a) nguyên nhân khách quan (theo quy định của pháp luật) vượt quá khả năng kiểm soát và khắc phục của bên đó; và (b) Nhà nước thay đổi cơ chế quản lý kinh doanh xăng dầu liên quan đến lĩnh vực nhượng quyền bán lẻ xăng dầu sẽ được coi là trường hợp bất khả kháng. Bên gặp bất khả kháng thông báo bằng văn bản cho bên kia trong vòng 24 giờ, nếu quá thời hạn trên mà không có thông báo thì không được chấp nhận là bất khả kháng.

ĐIỀU 10: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 10.1 Các nội dung không quy định trong Hợp đồng này, hai Bên thống nhất thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành.
- 10.2 Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản trong Hợp đồng này. Trong thời gian thực hiện nếu phát sinh các bất đồng thì hai bên sẽ cùng nhau bàn bạc giải quyết trên tinh thần hợp tác. Trong trường hợp không đạt được thoả thuận thì một trong hai bên sẽ đưa vụ việc ra Tòa án có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật, phán quyết của Tòa án là cơ sở pháp lý bắt buộc thi hành đối với mỗi Bên. Mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc giải quyết tranh chấp do bên thua kiện chịu.
- 10.3 Các bên có quyền đơn phương chấm dứt việc thực hiện hợp đồng nếu bên kia vi phạm các điều khoản của hợp đồng. Việc hủy bỏ phải được thông báo bằng văn bản, hai bên có trách nhiệm thanh lý hợp đồng này.
- 10.4 Hợp đồng này không được chuyển nhượng cho bên thứ 3 nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của bên kia.
- 10.5 Mọi sửa đổi hoặc bổ sung Hợp đồng này chỉ có hiệu lực khi được các bên thoả thuận lập thành văn bản và được người có thẩm quyền của hai bên ký.
- 10.6 Các bản phụ lục Hợp đồng được ký về sau sẽ là bộ phận không thể tách rời của bản Hợp đồng này.
- 10.7 Hợp đồng này bao gồm 12 trang được lập thành 6 bản, bên A giữ 04 bản, bên B giữ 02 bản và có thời hạn từ ngày gày .../.../.... đến ngày .../.../..... Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi hai Bên hoàn thành xong nghĩa vụ và trách nhiệm của mình quy định trong Hợp đồng này.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B